



CÔNG TY TNHH MTV
NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC

Mẫu số: 05 (TT 41/2018/TT-BYT)
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-CANWACO

Cần Giuộc, ngày 05 tháng 03 năm 2024.

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 01 năm 2024

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH CẦN GIUỘC.
- Địa chỉ: Ấp Lộc Tiền, xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Công suất thiết kế/Tổng HGĐ được cung cấp nước:

Tên trạm cấp nước/xã	Công suất thiết kế (m ³)	Tổng HGĐ được cung cấp nước
Ấp Vĩnh Thạnh (xã PV Đông)	640,	573
Phước Lại (xã Phước Lại)	1.200,	1.604,
Cộng : 02 trạm	1.840,	2.177,

- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể) : Nước mặt mua lại từ Công ty CP cấp nước Nhà Bè.
- Thời gian kiểm tra: 08/01/2024
- Người kiểm tra: Phạm Minh Hiếu
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước: 01 mẫu, vị trí cụ thể nêu ở Bảng kết quả thử nghiệm kèm. Phước Lại.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Có hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC (nhóm A – 7 thông số)

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	...	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	Không phát hiện			<3	Đ
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	Không phát hiện			<1	Đ
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,32			Trong khoảng 0,2-1,0	Đ
4.	Độ đục (NTU)	Không phát hiện			2	Đ
5.	Màu sắc (TCU)	Không phát hiện			15	Đ

Trang/ Page No: 1/2

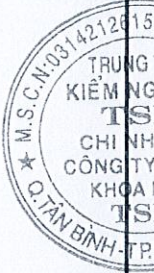
Ngày ban hành/ Date of issue: 11/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y248A0579

Mã KQ/ RP. No: 001002203.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY TNHH MTV NƯỚC SẠCH CÀN GIUỘC
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp Lộc Tiền xã Mỹ Lộc huyện Cần Giuộc tỉnh Long An
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/01/2024
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/01/2024 - 11/01/2024
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Trạm 4: gồm xã Phước Lại và ấp Vĩnh Thạnh xã Phước Vĩnh Đông (mua nước từ Công ty cổ phần nước Nhà Bè _CUỐI DÒNG)
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 11/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y248A0579

Mã KQ/ RP. No: 001002203.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCĐP 01:2022/ LA
1	Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	< 3
2	Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	< 1
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
4	Clo tự do (tính theo Cl ₂)/ Free chlorine (as Cl ₂)	0.32	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1
5	Độ đục (*)/ Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2017	2
6	Độ màu (*)/ Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	Mùi, vị/ Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2023, SMEWW 2160:2023, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ
8	pH (*)/ pH value (*)	7.29	-	-	TCVN 6492:2011	6.0 - 8.5

Chú thích/ Remarks:

Mẫu thử có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp với QCĐP 01:2022/LA

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.

3. GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.

4. Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04